TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HN-ST
Ngày: 13/5/2024
V/v "Y*êu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Vũ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Võ Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Thành Long – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2024 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1992 (có mặt).
  Địa chỉ: Số B ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ái T, sinh năm 1997 (có mặt).
  Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2024, biên bản hòa giải ngày 11/4/2024, anh Phan Văn C trình bày:*

Anh và chị T cưới nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 04/01/2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh cũng cố gắng hàn gắn cũng như gia đình hai bên cũng có khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Tầm khoảng tháng 11/2023 thì vợ chồng anh ly thân, chị T bỏ về nhà mẹ ruột đến tầm tháng 01/2024 thì chị T có quay về sống chung cho đến nay, tuy anh không đồng ý nhưng chị T có xin gia đình anh nên anh cũng cho phép chị quay về. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với chị T, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Ái T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023 hiện nay đang sống với anh chị. Nay ly hôn, anh tự nguyện giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng và anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T không nuôi cháu Q thì anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2024, biên bản hòa giải ngày 11/4/2024, chị Trần Thị Ái T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh C về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc cũng không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng từ sau khi sinh con vào khoảng tháng 3/2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tháng 11/2023 thì chị có bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó tầm tháng 01/2024 thì chị quay về nhưng ban đầu anh C không đồng ý nên chị có xin cha mẹ anh C thuyết phục cho chị quay về thì sau đó anh C mới đồng ý cho chị quay về và sống chung cho đến nay. Nay chị còn thương chồng con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh C là vợ chồng có 01 con chung tên Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023 hiện nay đang sống với anh chị. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Phan Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu là xin ly hôn với chị Trần Thị Ái T. Về con chung: Anh đồng ý để cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Khi anh và chị T cưới nhau được cha mẹ ruột anh cho 03 lượng vàng 24k; em ruột của anh cho 01 lượng vàng 24k, 01 lượng vàng 18k; cha mẹ chị T cho 01 lượng vàng 24k và tiền bàn 30 triệu đồng, nhưng số tiền 30 triệu đồng hai vợ chồng đã sử dụng chung hết, không còn nữa; tổng cộng còn lại tài sản chung là 05 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k. Hiện nay chị T đang giữ 01 lượng vàng 18k, còn anh giữ 05 lượng vàng 24k. Nay ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung mà để vợ chồng về tự thỏa thuận. Trường hợp không tự thỏa thuận được thì anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi cần thiết. Về nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Ái T trình bày:

Về hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên lời trình bày và bổ sung là khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị có về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhưng do cha mẹ chồng nhớ cháu nội nên nói chị trở về sinh sống chung nhà với cha mẹ chồng cho đỡ nhớ

cháu chứ không phải tự chị xin về. Nay anh C không còn tình cảm với chị nữa mà vẫn cương quyết xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh C. Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023 và yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Bệu đồng) đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Thời gian yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 13/5/2024.

Về tài sản chung: Chị thống nhất là khi chị với anh C cưới nhau được cha mẹ anh C cho 03 lượng vàng 24k; em ruột của anh C cho 01 lượng vàng 24k, 01 lượng vàng 18k; cha mẹ chị cho 01 lượng vàng 24k và tiền cổ bàn 30 triệu đồng nhưng vợ chồng đã sử dụng chung hết số tiền này nên chỉ còn 05 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k. Hiện nay chị đang giữ 01 lượng vàng 18k, còn anh C đang giữ 05 lượng vàng 24k. Nay ly hôn, chị đồng ý không yêu cầu chia số tài sản chung của vợ chồng chị trong cùng vụ kiện mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Trường hợp không tự thỏa thuận được thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi cần thiết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn C đối với chị Trần Thị Ái T. Về con chung: Đề nghị để cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn C và chị Trần Thị Ái T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh C và chị T sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 6/2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị cũng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn và cũng có nhờ cha mẹ hai bên tác động để hàn gắn nhưng vẫn không được nên từ tháng 11/2023 chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Tháng 01/2024, chị T có trở về nhưng do cha mẹ chồng kêu về cho đỡ nhớ cháu nội, chứ không phải về là do anh chị hàn gắn. Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh C luôn xác định tình cảm vợ chồng

không còn với chị T và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Trong quá trình tố tụng chị T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh C. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh C với chị T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023; Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh C đồng ý để cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Trong khi đó, chị T cũng có nguyện vọng nuôi cháu Q và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Bệu đồng) nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy hiện nay cháu Q chỉ có 15 tháng tuổi, chi phí cho việc chăm sóc nuôi dưỡng nhiều và chị T cũng chưa có công việc tạo ra thu nhập để nuôi con tốt được. Mặt khác, hiện nay anh C cũng có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng gần 10.000.000đ (mười triệu đồng) nên mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ (Bệu đồng) để nuôi cháu Q là phù hợp với chi phí sinh hoạt hiện nay và cần phải cấp dưỡng ngay để chị T có chi phí nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ (Bệu đồng) để nuôi cháu Q và thời gian cấp dưỡng là ngày 13/5/2024.

[3] Về tài sản chung: Anh C và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí (hôn nhân + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), anh Phan Văn C có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn C đối với chị Trần Thị Ánh T1.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ái T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Đông Q, sinh ngày 26/02/2023. Buộc anh Phan Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Bệu đồng) đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 13/5/2024.

Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu

cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh C và chị T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí (hôn nhân + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng), buộc anh Phan Văn C có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000246 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Buộc anh C phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho anh Phan Văn C, chị Trần Thị Ái T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ